

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-PT
Ngày: 20-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lê Minh T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. LÊ MINH T (T R)

Sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R (chết) và bà Phan Thị L; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 13/2010/HSPT ngày 23/02/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt Lê Minh T 07 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2016, chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự và án phí khi phạm tội mới; tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số 1089/QĐ-UB ngày 12/9/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B đưa Lê Minh T vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2010/HSST ngày 26/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt Lê Minh T 09 tháng tù về “Tội trốn khỏi nơi giam”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2016. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. LÊ VĂN Đ (U)

Sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến

Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị X; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2011/HSST ngày 22/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt Lê Văn Đ 02 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/4/2013; tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt Lê Văn Đ 01 năm cải tạo không giam giữ về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 14/7/2016. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 10/6/2018, Lê Minh T đang điều khiển xe mô tô trên đường N thuộc Khu phố x, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre thì nhìn thấy Cao Thanh T1 (Sinh năm 1985, cư ngụ tại Khu phố x, thị trấn B, huyện B) đang chạy xe mô tô phía trước nên chặn đầu xe lại để đòi tiền nợ mà T1 mượn trước đó. Bực tức vì T đòi tiền giữa đường, T1 cự cãi rồi dùng tay và nón bảo hiểm đánh T; T đánh trả nhưng đánh không lại nên bỏ chạy thì T1 cầm cây rượt theo. T vừa chạy vừa điện thoại kêu Lê Văn Đ đến phụ đánh T1 rồi lượm gạch ném và nhặt một cây xẻng xúc đất bên đường tấn công lại. T1 bỏ chạy thì T rượt theo. Đến khu vực sân bóng đá mini PA thuộc Khu phố x, thị trấn B thì Đ cầm cây chạy tới chặn đường; T và Đ xông vào dùng cây và xẻng đánh liên tục đến khi T1 té ngã mới dừng lại rồi bỏ đi, còn T1 thì được mọi người đưa đến bệnh viện cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 215-718/TgT ngày 27/7/2018, Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Cao Thanh T1 bị đa thương: Sây sát da, bầm, sưng rải rác ngực phải, trái, mồm khuỷu tay trái, 1/3 dưới cẳng tay phải, mào chậu phải, đùi phải; Xquang cẳng tay phải: gãy 1/3 dưới xương trụ phải; Xquang khuỷu tay trái: gãy mồm khuỷu tay trái. Hiện xương lành thẳng trục; vết mổ mặt sau trong cẳng tay phải lành sẹo, kích thước 10cm x 0,2cm, kết hợp xương mồm khuỷu bằng đinh Kirschner và néo ép; hiện vết mổ mặt sau khuỷu tay trái lành sẹo, kích thước 12cm x 0,2cm, khuỷu tay trái gấp duỗi được trong giới hạn 30 độ. Cơ chế hình thành vết thương là do vật rắn gây ra và xé phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 21%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T và Lê Văn Đ phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2018, các bị cáo kháng cáo đều yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt tù.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Minh T và Lê Văn Đ phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và xử phạt các bị cáo cùng 01 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do các bị cáo đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐT ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm qua lời khai nhận của các bị cáo kết hợp các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 10/6/2018, Lê Minh T và Lê Văn Đ đã có hành vi dùng cây và xẻng đánh liên tục vào người của Cao Thanh T1 gây thương tích cho bị hại T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích là 21% phù hợp nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Với ý thức, hành vi và

hậu quả do các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Lê Văn Đ phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1 là “Dùng hung khí nguy hiểm”) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi gây thương tích cho bị hại, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; trong vụ án này, người bị hại có một phần lỗi, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo cùng mức 01 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là có xem xét cho các bị cáo. Xét yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo, do các bị cáo có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị hại có đơn tiếp tục yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo nên cần giảm thêm một phần hình phạt tù cho các bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục các bị cáo. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt tù cho các bị cáo.

[3] Về án phí: các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt tù cho các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T và Lê Văn Đ phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Minh T** (T R) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn Đ** (U) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lê Minh T và Lê Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (6b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn B, huyện B (1b);
- Các bị cáo tại ngoại (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh